

Hà Nội, ngày 29 tháng 7 năm 2016

Hội Nông dân Việt Nam
Số 204/HĐĐT/HTNDNT
Số 1721
Ngày 4/8/2016
Chuyên 01
Lưu hồ sơ

CÔNG
VĂN
DẪN

HƯỚNG DẪN

Tổng kết Nghị quyết số 07 - NQ/HNDTW của Ban Chấp hành Trung ương Hội Nông dân Việt Nam (khóa V) về đẩy mạnh hoạt động dịch vụ, hỗ trợ nông dân giai đoạn 2010 – 2015

Thực hiện kế hoạch số 153 -KH/HNDTW, ngày 29/7/2016 của Ban Thường vụ Trung ương Hội về Tổng kết Nghị quyết số 07-NQ/HNDTW, ngày 19/7/2010 của Ban Chấp hành Trung ương Hội Nông dân Việt Nam (khóa V) về **đẩy mạnh hoạt động dịch vụ, hỗ trợ nông dân giai đoạn 2010 – 2015**.

Dược sự phân công của Ban Thường vụ Trung ương Hội Nông dân Việt Nam, Trung tâm Hỗ trợ nông dân, nông thôn xây dựng nội dung Hướng dẫn tổng kết Nghị quyết với những nội dung sau:

I. Mục đích yêu cầu

1. Đánh giá đúng những kết quả đã đạt được, những hạn chế, tồn tại, nguyên nhân và kinh nghiệm trong việc tổ chức thực hiện Nghị quyết. Đồng thời đề xuất, kiến nghị với Đảng, Nhà nước, với Trung ương Hội những chủ trương, chính sách phù hợp để hỗ trợ nông dân phát triển sản xuất, xây dựng thương hiệu, xúc tiến thương mại tiêu thụ sản phẩm trong thời kỳ hội nhập quốc tế.

2. Xây dựng phương hướng thực hiện Nghị quyết trong những năm tiếp theo với mục tiêu, nội dung, biện pháp cần tập trung thực hiện phù hợp với đặc điểm cụ thể của từng vùng, từng địa phương.

3. Bình xét, lựa chọn khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc thực hiện Nghị quyết.

4. Tổ chức tổng kết từ cấp cơ sở, cấp huyện và cấp tỉnh bảo đảm chất lượng, hiệu quả đúng thời gian qui định.

II. Nội dung tổng kết

1. Tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết

- Tổ chức nghiên cứu quán triệt Nghị quyết ở các cấp Hội.
- Chỉ đạo tổ chức thực hiện Nghị quyết ở các cấp Hội.

- Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo, kiểm tra, đôn đốc, sơ kết rút kinh nghiệm.

2. Đánh giá kết quả thực hiện (có biểu bảng đính kèm).

Đánh giá kết quả triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết; các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn; Nghị quyết Trung ương 7 (khóa X) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; Kết luận 61-KL/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng về “Nâng cao vai trò, trách nhiệm của Hội Nông dân Việt Nam trong phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới và xây dựng giai cấp nông dân Việt Nam” giai đoạn 2010 – 2020; Quyết định số 673-QĐ/TTg của Thủ tướng Chính phủ về “Hội Nông dân Việt Nam trực tiếp thực hiện và phối hợp thực hiện một số chương trình, đề án phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội nông thôn giai đoạn 2011 - 2020”; Các chính sách tín dụng đối với phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới...

2.1. Công tác tuyên truyền

- Nội dung, hình thức, biện pháp tuyên truyền thực hiện Nghị quyết.

2.2. Tạo vốn cho hội viên, nông dân phát triển sản xuất, kinh doanh

- Kết quả thực hiện Nghị định 41/2010/NĐ-CP về chính sách tín dụng cho nông nghiệp, nông dân, nông thôn; Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp; Nghị định 55/2015/NĐ-CP về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn; Quyết định 62/2013/QĐ-TTg về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm...

- Kết quả thực hiện chương trình ủy thác vốn với Ngân hàng Chính sách - Xã hội; Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông nghiệp.

- Kết quả cho vay thông qua Quỹ hỗ trợ nông dân của Trung ương và địa phương.

- Kết quả cho vay thông qua Chương trình Quốc gia về giải quyết việc làm (120).

- Kết quả cho vay từ các nguồn vốn khác: Phối hợp, liên kết, tài trợ nước ngoài...

2.3. Tổ chức các hoạt động khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, khuyến công... chuyển giao KHKT, xây dựng các mô hình trình diễn, hỗ trợ nông dân tiếp cận khoa học công nghệ mới áp dụng vào sản xuất.

- Tổ chức các lớp tập huấn, hội thảo chuyên giao KHKT về trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, bảo quản, chế biến... cho nông dân.

- Xây dựng các mô hình trình diễn sản xuất nông nghiệp, các mô hình theo tiêu chuẩn an toàn, ViệtGAP; các mô hình được hỗ trợ ứng dụng khoa học công nghệ mới vào sản xuất.

- Xây dựng các loại hình Tổ hợp tác, liên kết sản xuất kinh doanh...

2.4. - *Tổ chức dạy nghề cho nông dân*

Tổ chức dạy nghề cho nông dân theo các trình độ trung cấp, sơ cấp, thường xuyên về ngành nghề nông nghiệp và phi nông nghiệp.

2.5. *Kết quả hoạt động dịch vụ cung ứng thiết bị, vật tư nông nghiệp*

- Kết quả các chương trình phối hợp, liên kết bảo lãnh cho nông dân mua phân bón, giống cây, giống con, thuốc bảo vệ thực vật, thú y, máy nông nghiệp, thiết bị công nghệ... phục vụ sản xuất nông nghiệp.

- Kết quả phối hợp, liên kết với các đơn vị, doanh nghiệp ký kết hợp đồng bao tiêu, tiêu thụ sản phẩm nông sản.

2.6. *Kết quả hoạt động tư vấn, hướng dẫn, cung cấp thông tin thị trường, giá cả, xây dựng thương hiệu, xúc tiến thương mại tiêu thụ sản phẩm cho nông dân.*

- Số lượng các buổi hội thảo, tư vấn.

- Số sản phẩm được hỗ trợ đăng ký thương hiệu, chỉ dẫn địa lý.

- Số lượng gian hàng tham gia các hội chợ, triển lãm quảng bá sản phẩm nông nghiệp.

2.7. *Kết quả thực hiện chương trình liên kết 4 nhà*

- Các nghị quyết liên tịch, chương trình phối hợp với các sở, ban, ngành ở địa phương.

- Các chương trình phối hợp, liên kết với các đơn vị, doanh nghiệp...

2.8. *Kết quả kiện toàn tổ chức bộ máy của Trung tâm dạy nghề và Hỗ trợ nông dân.*

- Tổ chức bộ máy, cơ sở vật chất của trung tâm cấp tỉnh, cấp huyện (nếu có).

2.9. Đánh giá việc thực hiện chỉ tiêu có 25% số hộ nông dân đạt danh hiệu sản xuất kinh doanh giỏi các cấp; 60% hội viên, nông dân được tập huấn, chuyên giao KHKT; 100% các tỉnh, thành Hội có Trung tâm dạy nghề và Hỗ trợ nông dân; tình hình phát triển Trung tâm dạy nghề và Hỗ trợ nông dân cấp huyện.

3. **Đánh giá chung**

- Những mặt được, tồn tại, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm.

- Những đề xuất, kiến nghị.

4. Phương hướng, giải pháp thực hiện Nghị quyết trong thời gian tới

Căn cứ vào đặc điểm, tình hình thực tế đề ra những nhiệm vụ, giải pháp cần tập trung thực hiện Nghị quyết phù hợp với điều kiện của từng địa phương.

III. THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Các tỉnh, thành Hội: Tổ chức tổng kết ở các cấp Hội hoàn thành trước ngày 15/10/2016.

2. Trung ương Hội: Tổ chức tổng kết vào tháng 01/2017 tại Hội nghị Ban Chấp hành Hội Nông dân Việt Nam lần thứ 10 (khóa VI).

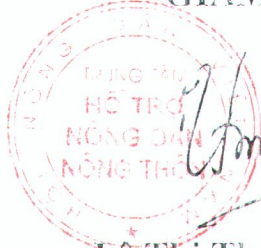
Báo cáo tổng kết gửi về Trung tâm Hỗ trợ nông dân, nông thôn - Trung ương Hội Nông dân Việt Nam: số 9 Phố Tôn Thất Thuyết, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội trước ngày 20/10/2016 để kịp thời tổng hợp báo cáo trình Thường trực, Ban Thường vụ Trung ương Hội./.

Thông tin liên hệ qua đ/c Vũ Đức Sơn, chuyên viên Trung tâm Hỗ trợ nông dân, nông thôn; Điện thoại: 0904 069 112; Email: sontungvnfu@gmail.com

Nơi nhận :

- Hội Nông dân 63 tỉnh, thành phố;
- Thường trực TW Hội (Để báo cáo);
- Lưu.

GIÁM ĐỐC



Lê Thị Thanh Hương

BIỂU MẪU TỔNG HỢP

(Gửi kèm Hướng dẫn số 204 - IID/HINDTW ngày 29 tháng 7 năm 2016)

I. Kết quả tạo vốn

TT	Nội dung	Số tổ vay vốn/ dự án	Lượt hộ vay	Số tiền vay (triệu đồng)	Nợ quá hạn (%)
1	Vốn vay từ ngân hàng nông nghiệp (*)				
2	Vốn vay từ ngân hàng chính sách				
3	Vốn vay từ nguồn quỹ HTND				
4	Nguồn vốn qua Chương trình Quốc gia về giải quyết việc làm (120)				
5	Nguồn vốn vay từ các nguồn khác: phối hợp, liên kết, tài trợ nước ngoài...				

(*): Vốn vay theo: Nghị định 41/2010/NĐ-CP về chính sách tín dụng cho nông nghiệp, nông dân, nông thôn; Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp; Quyết định 62/2013/QĐ-TTg về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm

II. Kết quả tổ chức các hoạt động hỗ trợ nông dân phát triển sản xuất

1. Tổ chức tập huấn chuyển giao KHKT trong nông nghiệp

TT	Nội dung	Số lớp	Lượt người tham gia
1	Tập huấn về trồng trọt		
2	Tập huấn về chăn nuôi		
3	Tập huấn về khuyến lâm		

4	Tập huấn về thủy sản		
5	Tập huấn về bảo quản chế biến		
6	Tập huấn về ngành nghề nông thôn		
7	Tập huấn từ các chương trình phối hợp (doanh nghiệp, tổ chức khác ghi rõ tên chương trình và nội dung tập huấn)		

2) Tổ chức xây dựng mô hình

TT	Nội dung	Số mô hình	Lượt người tham gia
1	Mô hình về trồng trọt		
-	<i>Mô hình về sản xuất an toàn, VietGAP</i>		
-	<i>Mô hình ứng dụng KIIKT mới vào sản</i>		
-	<i>Mô hình sản xuất khác</i>		
2	Mô hình về chăn nuôi		
-	<i>Mô hình về sản xuất an toàn, VietGAP</i>		
-	<i>Mô hình ứng dụng KIIKT mới vào sản xuất</i>		
-	<i>Mô hình sản xuất khác</i>		
3	Mô hình về khuyến lâm		
4	Mô hình về thủy sản		

-	Mô hình về sản xuất an toàn, VietGAP		
-	Mô hình ứng dụng khoa học công nghệ mới vào sản xuất		
-	Mô hình sản xuất khác		
5	Mô hình về bảo quản chế biến		
6	Mô hình về ngành nghề nông thôn		
7	Mô hình từ các chương trình phối hợp (doanh nghiệp, tổ chức khác, ghi rõ tên chương trình và tên mô hình)		

3. Tổ chức các cuộc hội thảo đầu bờ, tham quan mô hình sản xuất phối hợp, liên kết có hiệu quả

TT	Nội dung	Số cuộc	Lượt người tham gia
1	Tổ chức hội thảo		
2	Tổ chức tham quan		

4. Thành lập các tổ/ nhóm liên kết trong sản xuất kinh doanh

TT	Nội dung	Số tổ/ nhóm liên kết được thành lập	Lượt người tham gia
1	Tổ nhóm liên kết trong lĩnh vực trồng trọt		
2	Tổ nhóm liên kết trong lĩnh vực chăn nuôi		
3	Tổ nhóm liên kết trong lĩnh vực khuyến lâm		

4	Tổ nhóm liên kết trong lĩnh vực thủy sản		
5	Tổ nhóm liên kết trong lĩnh vực bảo quản chế biến		
6	Tổ nhóm liên kết trong lĩnh vực ngành nghề nông thôn		
7	Tổ nhóm liên kết trong lĩnh vực môi trường		
8	Tổ nhóm liên kết trong lĩnh vực khác (ghi rõ)		

III) Tổ chức dạy nghề cho nông dân

TT	Nội dung	Số lớp	Lượt người tham gia
1	Tổ chức Dạy nghề trình độ Trung cấp		
1.1	Nhóm nghề nông nghiệp		
	-
	-
	-
	-
1.2	Nhóm nghề phi nông nghiệp		
	-
	-
	-
	-
2	Tổ chức Dạy nghề trình độ Sơ cấp		
2.1	Nhóm nghề nông nghiệp		
	-

	-
	-
	-
2.2	Nhóm nghề phi nông nghiệp		
	-
	-
	-
	-
3	Tổ chức Dạy nghề thường xuyên (ngắn hạn)		
3.1	Nhóm nghề nông nghiệp		
	-
	-
	-
	-
3.2	Nhóm nghề phi nông nghiệp		
	-
	-
	-
	-

IV. Kết quả hoạt động dịch vụ cung ứng thiết bị, vật tư nông nghiệp

1. Kết quả cung ứng dịch vụ giống cây trồng, vật nuôi

TT	Nội dung	DVT	Số lượng	Giá trị (triệu đồng)
1	Giống cây trồng			
-	Cây lương thực, cây công nghiệp ngắn ngày...	Tấn		
-	Cây ăn quả, cây công nghiệp dài ngày...	Cây		

2	Giống chăn nuôi	Con		
3	Giống thủy sản	Con		
4	Giống khác (ghi rõ)			

2. Kết quả cung ứng dịch vụ phân bón, thuốc BVTV, thuốc thú y

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Giá trị (triệu đồng)
1	Phân bón vô cơ (đạm, lân, kali, NPK)	Tấn		
2	Phân bón vi sinh, hữu cơ	Tấn		
3	Thuốc BVTV, thuốc trừ cỏ	Tấn		
4	Thuốc thú y (cả thủy sản và chăn nuôi)	Liều		
5	Khác (ghi rõ):			

3. Kết quả cung ứng dịch vụ thức ăn chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Giá trị (triệu đồng)
1	Thức ăn chăn nuôi	Tấn		
2	Thức ăn thủy sản	Tấn		

4. Kết quả cung ứng dịch vụ máy nông nghiệp, thiết bị công nghệ phục vụ sản xuất nông nghiệp

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Giá trị (triệu đồng)
1	Máy nông nghiệp	Chiếc		
2	Thiết bị công nghệ mới phục vụ sản xuất nông nghiệp (ghi rõ)			

5. Kết quả Hỗ trợ nông dân tiêu thụ sản phẩm và liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Giá trị (triệu đồng)
1	Tiêu thụ sản phẩm			
-	Sản phẩm trồng trọt	Hợp đồng		
-	Sản phẩm cho thủy sản	Hợp đồng		
-	Sản phẩm cho chăn nuôi	Hợp đồng		
-	Khác (ghi rõ)			

2	Liên kết sản xuất			
-	Sản phẩm trồng trọt	Hợp đồng		

-	Sản phẩm cho thủy sản	Hợp đồng		
-	Sản phẩm cho chăn nuôi	Hợp đồng		
-	Khác (ghi rõ)			

VI. Kết quả hoạt động tư vấn, hướng dẫn, cung cấp thông tin thị trường, giá cả, xây dựng thương hiệu, xúc tiến thương mại tiêu thụ sản phẩm cho nông dân

1. Kết quả tư vấn, hướng dẫn thông tin về thị trường giá cả

TT	Nội dung	DVT	Số lượng	Lượt người tham gia
	Hội thảo, tư vấn, hướng dẫn	Buổi		

2. Kết quả tư vấn xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu

TT	Nội dung	DVT	Số lượng
1	Sản phẩm được đăng ký thương hiệu, chỉ dẫn địa lý	Sản phẩm	
2	Sản phẩm được đăng ký nhãn hiệu	Sản phẩm	

3. Kết quả tham gia các hoạt động xúc tiến thương mại

TT	Nội dung	DVT	Số lượng	Lượt tham gia
1	Tổ chức tập huấn về xúc tiến thương mại	Lớp		
2	Tổ chức hội thảo về xúc tiến thương mại	Buổi		

3	Tham gia các hội chợ, phiên chợ bán hàng...			
-	Tham gia Hội chợ nông nghiệp, thương mại trong nước và quốc tế	Hội chợ		
-	Số lượng gian hàng tham gia	Gian hàng		
-	Số lượng sản phẩm tham gia	Sản phẩm		

VII. Kết quả kiện toàn tổ chức bộ máy của Trung tâm Dạy nghề và Hỗ trợ nông dân

TT	Nội dung	Số lượng (tính đến 12/2015)	Số biên chế (tính đến 12/2015)	Số Hợp đồng dài hạn (tính đến 12/2015)	Hợp đồng ngắn hạn và cộng tác viên (tính đến 12/2015)
1	Trung tâm cấp tỉnh				
-	Trung tâm đã kiện toàn (đã có cơ sở vật chất đi vào hoạt động)				
-	Trung tâm chưa chuyển đổi				
-	Khác (ghi rõ)				

2	Trung tâm cấp huyện				

Lưu ý: - Các số liệu là tổng của 05 năm thực hiện (từ 2011 đến 2015).

- Số liệu chỉ lấy nguồn do hệ thống Hội trực tiếp hoặc phối hợp thực hiện.

- Khi gửi số liệu về Trung ương Hội đề nghị cung cấp tên, điện thoại và email của người liên hệ.

